

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2018/DS-PT
Ngày 24 - 10 - 2018
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng;

Các Thẩm phán:

Bà Mai Thị Tú Oanh;

Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1465/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ch – Sinh năm: 1948 ;

Bà Trương Thị Ng – Sinh năm: 1948 ;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ch: Bà Trương Thị Ng – Sinh năm: 1948.

Cùng địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà Hứa Thị U – Sinh năm: 1942;

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hứa Thị U: Ông Phạm Q – Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận (theo Giấy ủy quyền ngày 08/9/2017)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn*:

3.1. Bà Phạm Thị L – Sinh năm: 1966 ;

Địa chỉ: Xóm B1, xã B, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Ông Phạm Q – Sinh năm: 1968 ;

Địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. Ông Phạm Nh – Sinh năm: 1970 ;

Địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

3.4. Ông Phạm V – Sinh năm: 1972 ;

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Bà Phạm Thị Gái L – Sinh năm: 1975 ;

3.6. Bà Phạm Thị Gái Nh – Sinh năm: 1976 ;

Cùng địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận.

3.7. Ông Phạm Th – Sinh năm: 1978 ;

3.8. Ông Phạm H – Sinh năm 1980 ;

3.9. Ông Phạm U – Sinh năm 1983 ;

3.10. Bà Phạm Thị M – Sinh năm: 1984 ;

3.11. Bà Phạm Thị Ng – Sinh năm: 1987 ;

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn: Ông Phạm Q – Sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy ủy quyền ngày 12/10/2017 ;

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân huyện N1

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Diệu T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N1 ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Thắng L – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N1 theo Giấy ủy quyền số 2476/UQ-CTUB ngày 04/8/2017.

5. Người làm chứng:

5.1. Ông Phạm B – Sinh năm: 1940 ;

5.2. Ông Phạm Thế V – Sinh năm: 1956 ;

Cùng địa chỉ: Thôn M 1, xã Nh, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5.3. Bà Phạm Thị Q1 – Sinh năm: 1950 ;

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

5.4. Bà Phạm Thị Đ – Sinh năm: 1957 ;

Địa chỉ: Thôn M, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người kháng cáo:* bà Hứa Thị U - bị đơn, ông Phạm Q - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn ông Phạm Ch là bà Trương Thị Ng trình bày:

Cha mẹ chồng bà là cụ Phạm H1, cụ Lê Thị X có 06 người con chung gồm: ông Phạm B1, ông Phạm B, bà Phạm Thị Q1, ông Phạm Thế V, bà Phạm Thị Đ1 và chồng bà ông Phạm Ch. Khi còn sống, cha mẹ chồng bà có tạo lập được 3.500 m² đất thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 147 tờ bản đồ địa chính số 36 xã N2) tọa lạc tại thôn M 1, xã Nh, huyện N1, trong đó ½ diện tích đất là do ông bà để lại và ½ diện tích đất là do cha mẹ chồng mua của ông Phạm Nh1 năm 1970. Năm 1994, cha mẹ chồng bà đã phân chia như sau: cho vợ chồng bà là Phạm Ch, Trương Thị Ng1 diện tích đất mua của ông Phạm Nh2 (phần đất nằm phía trong) và cho vợ chồng con trai trưởng là ông Phạm B1, bà Hứa Thị U phần đất của ông bà để lại (phần đất nằm phía ngoài giáp đường đi). Việc cho đất chỉ nói miệng, không lập giấy tờ gì nhưng có các anh chị em khác trong nhà biết và giấy tờ đất mua của ông Phạm Nh2 cha mẹ chồng đã đưa cho vợ chồng bà giữ. Do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên vợ chồng bà để cho vợ chồng ông B canh tác. Năm 1995, ông B đi làm sổ đỏ trong đó có phần đất mà cha mẹ chồng đã cho vợ chồng bà. Năm 2000, vợ chồng bà yêu cầu lấy lại đất này thì vợ chồng ông B đồng ý viết giấy sang nhượng đất với nội dung: *chúng tôi đồng ký tên dưới đây chồng là Phạm B và vợ là Hứa Thị U nay vợ chồng chúng tôi ưng thuận sang nhượng cho vợ chồng người em thứ tám là Phạm Ch và Trương Thị Ng1 phân nửa phần đất (với mục đích là cho dứt khoát)* (BL 15). Việc viết giấy sang nhượng là để hợp thức hóa việc ông B được cấp sổ đỏ đối với phần đất vợ chồng bà đã được cha mẹ cho năm 1994 chứ vợ chồng bà không phải trả tiền cho vợ chồng ông Phạm B và bà Hứa Thị U. Khi lập giấy

sang nhượng có mặt mẹ chồng là Lê Thị X, ông Phạm B, vợ chồng ông B, vợ chồng bà và ông Trần Quang A (là người viết giấy giùm). Hiện nay bà U và con trai bà U là ông Q đang canh tác và đã bán một phần đất cho người khác nhưng không ảnh hưởng đến phần đất của vợ chồng bà phía dưới. Bà yêu cầu bà U và ông Q phải trả $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho bà.

Do có tranh chấp về đất đai, Ủy ban nhân dân (UBND) xã N2 đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông Ch và bà Ng1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 19/6/2018 bà Ng1 yêu cầu Tòa án buộc bà U và con là Phạm Q phải trả lại cho vợ chồng bà 1.650 m² đất trên và tuyên hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đã cấp cho ông Phạm B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ với bên bị đơn, ông Phạm Q trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa 147, tờ bản đồ số 36) xã Nh là của ông bà nội (cụ Phạm H1, cụ Lê Thị X) tạo lập và đã cho cha mẹ ông là Phạm B1 và Hứa Thị U từ nhiều năm nay. Ngày 01/9/1995, cha ông được UBND huyện N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0832283 đối với thửa đất trên. Năm 2002, cha ông mất, vì sợ mẹ ông là bà Hứa Thị U bán đất nên năm 2003 bà nội có lập tờ chúc ngôn cho ông được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Trước đó, ông có gọi điện cho các cô chú là Phạm B, Phạm Ch, Phạm Thế V, Phạm Thị Đ1, Phạm Thị Q1 về việc bà nội lập di chúc nhưng chỉ có bà Đ1, bà Q1 tham gia. Năm 2006, gia đình ông mới chứng thực tờ di chúc trên tại UBND xã Nh. Năm 2009, mẹ ông chuyển nhượng một phần diện tích thửa đất số 103 cho người khác và đã được chỉnh lý trong GCNQSDĐ số D 0832283, diện tích còn lại khoảng 2.100 m².

Nay ông Chúc, bà Ng1 khởi kiện yêu cầu mẹ ông trả lại 1.650 m² diện tích đất trên thì ông không đồng ý. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chúc, bà Ng1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện N1 do ông Huỳnh Thắng L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Phạm B1 năm 1995 hiện đã thất lạc, không có trong kho lưu trữ. Nay giữa các bên xảy ra tranh chấp, UBND huyện N1 đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định như sau:

Căn cứ vào: Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 100, 203 Luật đất đai 2013; Các điều 34, khoản 4 Điều 147, các điều 165, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu bị đơn trả 1.650m² và đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm B đối với diện tích đất này.

Buộc bà Hứa Thị U và ông Phạm Q phải giao trả cho ông Phạm Ch và bà Trương Thị Ng1 diện tích 1.650m² đất theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận là các điểm (14,15,17,5,6,7,18,21) thuộc tờ bản đồ địa chính số 36 xã N2.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0832283 ngày 01/9/1995 của Ủy ban nhân dân huyện N1 cấp cho ông Phạm B đối với phần diện tích 1.650 m².

Các đương sự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí đo đạc, định giá, về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, bà Hứa Thị U - bị đơn, ông Phạm Q - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đúng theo qui định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả lại *quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

[2] Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.cấp sơ thẩm xác định các quan hệ pháp luật của vụ án cần giải quyết

gồm: “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - bà Hứa Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Q - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đều thừa nhận: diện tích 3.520m² trong GCNQSDĐ số D 0832283 ngày 01/9/1995 của UBND huyện N1 cấp cho ông Phạm B có nguồn gốc là đất do cha mẹ cụ Phạm H1 để lại và cụ Phạm H1 cụ Lê Thị X nhận chuyển nhượng của ông Phạm Nh2, không phải là đất do khai phá thêm như trong GCNQSDĐ ghi ở phần “ghi chú”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án Giấy bán đất ngày 24/02/1970 có chữ ký của vợ chồng ông Phạm Nh2 (BL 16) và Giấy sang nhượng đất với nội dung: *chúng tôi đồng ký tên dưới đây chồng là Phạm B và vợ là Hứa Thị U nay vợ chồng chúng tôi ưng thuận sang nhượng cho vợ chồng người em thứ tám là Phạm Ch và Trương Thị Ng1 phân nửa phần đất (với mục đích là cho dút khoát)* (BL 15).

Ngoài ra nguyên đơn bà Trương Thị Ng1 trình bày: Sau khi nhận đất, do chưa có nhu cầu sử dụng đất nên vợ chồng nguyên đơn để cho vợ chồng bị đơn canh tác. Đến năm 2000, vợ chồng nguyên đơn phát hiện ông B được UBND huyện N1 cấp GCNQSDĐ trong đó có cả phần đất của mình nên đã giữ GCNQSDĐ của ông B. Vợ chồng ông B có đến gặp ông Phạm B1 và nhờ ông B1 nói với vợ chồng ông bà trả lại GCNQSDĐ. Ông Phạm B có nói với ông B bà U: *nếu vợ chồng anh chị đồng ý trả lại cho vợ chồng ông Ch ½ đất thì ông B1 mới đồng ý nói ông Ch trả Sổ đỏ cho ông B*. Vợ chồng ông B, bà U đồng ý nên sau đó gia đình có họp lại (gồm vợ chồng bà, ông Phạm B, mẹ chồng là Lê Thị X, vợ chồng ông Phạm B1 bà Hứa Thị U) và thống nhất nhờ ông Trần Quang A viết giấy sang nhượng đất với nội dung: *chúng tôi đồng ký tên dưới đây chồng là Phạm B và vợ là Hứa Thị U nay vợ chồng chúng tôi ưng thuận sang nhượng cho vợ chồng người em thứ tám là Phạm Ch và Trương Thị Ng1 một nửa phần đất (với mục đích là cho dút khoát)*. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của ông Phạm B tại biên bản lấy lời khai (BL 37) và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của ông Trần Quang A tại biên bản xác minh ngày 23/10/2014 (BL18).

Lời khai của nguyên đơn phù hợp với lời khai các ông bà Phạm B, Phạm Thế V, Phạm Thị Đ1, Phạm Thị Q1 là anh chị em ruột của ông Phạm Ch và Phạm B đều khẳng định : Năm 1994, cha mẹ tuyên bố cho vợ chồng ông Phạm Ch phần diện tích mua của ông Phạm Nh2 và cho vợ chồng ông Phạm B1, bà Hứa Thị U phần diện tích ông bà nội để lại vì ông B là con trai trưởng nên được hưởng phần đất của tổ tiên. Việc cho đất cha mẹ chỉ nói miệng, không lập giấy tờ nhưng các ông bà đều biết. Các ông bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (BL 34, 35, 36, 37, 75, 76).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Q nộp cho Tòa án Tờ chúc ngôn ngày 18/02/2003 của cụ Lê Thị X do ông Phạm Văn L1 viết giùm với nội dung: *Nay tôi có một khoảnh đất cát có diện tích khoảng 3,5 sào được sự nhất trí của tôi và các con trai, con gái và dâu, rể thống nhất chung giao mảnh đất có diện tích nói trên cho cháu tôi là Phạm Q, có chữ ký của bà Phạm Thị Đ1, bà Phạm Thị Q1 và điểm chỉ của cụ Lê Thị X và được UBND xã N2 chứng thực ngày 18/4/2006 (BL 45, 46).* Tại phiên tòa, bà Đ1, bà Q1 không thừa nhận đã ký vào tờ chúc ngôn vì các bà không biết chữ, ông Q thừa nhận chữ ký của bà Q1, bà Đ1 là do ông L1 ký thay. Bà Lê Thị Đăng Tr (là vợ ông Phạm Q) tại biên bản đối chất (BL 193) và tại phiên tòa trình bày: *bà là người chở bà X đến UBND xã để chứng thực tờ chúc ngôn, bà X không biết chữ và không có bà Đ1 và bà Q1 cùng đi. Nhân viên tư pháp xã đọc lại tờ chúc ngôn và bảo bà nội chồng điểm chỉ vào.* Xét thấy: Cụ X không biết chữ theo quy định tại các điều 632, 656, 658 khoản 2 Bộ luật dân sự 2005: người lập di chúc không biết chữ nhưng không có mặt hai người làm chứng và ký trước cán bộ chứng thực là không phù hợp. Ngoài ra không có mặt đầy đủ những người con của Cụ X, bà Đ1 và bà Q1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Cụ X nên không được làm chứng trong di chúc. Vì vậy di chúc này không có giá trị chứng minh ông Q là người được hưởng thừa kế.

Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận thửa đất số 147 có tổng diện tích theo đo đạc thực tế sử dụng là 3.753,1 m² gồm các thửa 361, 362, 363, 364, 365, 383, 384 và 385. Tại phiên tòa, ông Phạm Q và bà Hứa Thị U xác nhận đã chuyển nhượng các thửa đất: 361, 362, 363, 364, 365 cho người khác. Nguyên đơn không có ý kiến về các diện tích đất mà bị đơn đã chuyển nhượng, không yêu cầu trả ½ diện tích đất mà chỉ yêu cầu bị đơn trả lại phần đất trống có diện tích 1.650m² theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận là các điểm (14,15,17,5,6,7,18,21) và đề nghị hủy một phần GCNQSDĐ của ông Phạm B. Xét thấy: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Diện tích đất này do bà U và ông Phạm Q đang quản lý sử dụng nên buộc bà U và ông Q giao trả 1.650m² đất cho ông Ch bà Ng1.

Vì vậy cấp sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Hứa Thị U và ông Phạm Q phải giao trả cho ông Phạm Ch và bà Trương Thị Ng1 1.650m² đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 36 xã N2 theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận là các điểm (14,15,17,5,6,7,18,21); Hủy một phần GCNQSDĐ số D 0832283 ngày 01/9/1995 của UBND huyện N1 cấp cho ông Phạm B đối với phần diện tích 1.650m² là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Hứa Thị U sinh năm 1942 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đương sự là người cao tuổi nên được miễn.

- Ông Phạm Q phải chịu 300.000.đồng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017203 ngày 26/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận .

Căn cứ vào: Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 100, 203 Luật đất đai 2013; Các điều 34, khoản 4 Điều 147, các điều 165, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu bị đơn trả 1.650m² và đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm B đối với diện tích đất này.

Buộc bà Hứa Thị U và ông Phạm Q phải giao trả cho ông Phạm Ch và bà Trương Thị Ng1 diện tích 1.650m² đất theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 28/6/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận là các điểm (14,15,17,5,6,7,18,21) thuộc tờ bản đồ địa chính số 36 xã N2.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0832283 ngày 01/9/1995 của Ủy ban nhân dân huyện N1 cấp cho ông Phạm B đối với phần diện tích 1.650m².

Các đương sự liên hệ với cơ quan quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và chỉnh lý lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hứa Thị U được miễn.

- Hoàn trả cho bà Hứa Thị U 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0017204 ngày 26/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Phạm Q phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0017203 ngày 26/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh(1);
- TAND tỉnh Ninh Thuận (1);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận (1);
- NĐ (2);
- BD (2);
- NLQ (14);
- NLC (4);
- Lưu VP(3), HS(2).30b. TPQ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng